

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2017/HNGĐ-ST

Ngày 03-11-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Trung Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Ông Trịnh Văn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 428/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Tạ Mỹ T, sinh năm 1991; cư trú tại khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Công T, sinh năm 1988; cư trú tại khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-7-2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Tạ Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Trần Công T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân gần 05 năm nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị T tự thỏa

thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Trần Công T đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Công T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do³ nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Tạ Mỹ T và anh Trần Công T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 21-12-2009 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Chị T xác định nguyên nhân dẫn đến yêu cầu ly hôn là trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nhưng quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không có văn bản thể hiện ý kiến và phía nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng đến mức trầm trọng nên không có căn cứ để chấp nhận đây là nguyên nhân mâu thuẫn để xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm yêu thương anh T, hôn nhân không còn hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân khoảng 05 năm. Đồng thời, chị T thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với T và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho anh T và anh T biết được nội dung yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T nhưng anh T cũng không có văn bản thể hiện thiện chí muốn đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị Tạ Mỹ T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị Tạ Mỹ T tự thỏa thuận với anh Trần Công T, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tạ Mỹ T phải chịu án phí 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Tạ Mỹ T được ly hôn với anh Trần Công T.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tạ Mỹ T phải chịu 300.000 đồng, ngày 31 tháng 7 năm 2017 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007214 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Tạ Mỹ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Công T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Giang Trung Kiên